

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-PT

Ngày: 17 – 03 – 2023

**V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 15/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H; địa chỉ ấp L 2, xã Long T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D; địa chỉ ấp L 1, xã Long T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Đặng Thị H trình bày: Vào ngày 09/6/2017, ông Nguyễn Văn D có hỏi vay của bà H số tiền là 64.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, việc vay số nợ trên có làm biên nhận và ông D có ký vào tờ biên nhận. Quá trình vay ông D có đóng lãi cho bà H một tháng với số tiền 2.000.000 đồng, đến nay ông D cũng không đóng lãi và trả số nợ vay gốc. Nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông D phải trả tổng số nợ vay là 64.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 09/7/2017.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông không thống với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông không có vay tiền của bà H, mà số tiền nợ 64.000.000 đồng bà H yêu cầu khởi kiện là số tiền ông chơi số đề từ năm 2017 đến đầu năm 2018 còn nợ lại, hiện tại các giấy tờ về ghi số đề ông còn đang giữ, số tiền ông chơi số đề trúng thì bà H không trả, còn số tiền ông thua thì bà H chuyển thành tiền vay và trả lãi hàng tháng, ông trả lãi được một lần 2.000.000 đồng thì ông không trả nữa. Sau đó, ông đi làm cho đến nay thì được biết bà H khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền 64.000.000 đồng, ông cho rằng ông không có ký vào bất kỳ một tờ biên nhận nào để vay tiền của bà H, nên bà H yêu cầu ông trả số tiền 64.000.000 đồng thì ông không đồng ý trả; ông D yêu cầu bà H và ông cùng xác định số tiền ông trúng là bao nhiêu, số tiền thua bao nhiêu và khấu trừ với bà H, nếu dư thì bà H trả cho ông, còn thiếu thì ông trả cho bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị H.

Buộc bị đơn Nguyễn Văn D phải trả cho nguyên đơn Đặng Thị H số tiền là 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022, bị đơn ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo: Không đồng ý có vay tiền của bà Đặng Thị H là 64.000.000 đồng mà xác định tiền này là tiền chơi số đề.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng, vào khoảng thời gian năm 2017 – 2018 ông có mua số đề của bà H và có nợ số tiền 64.000.000 đồng và có trả được 2.000.000 đồng, tuy nhiên ông không có làm biên nhận và ngoài ra ông cũng có trúng đề rất nhiều lần nhưng bà H không trừ tiền ông mua ghi nợ. Theo ông D số tiền ông trúng đề

nhiều lần lớn hơn số tiền nợ; ông D yêu cầu trừ số tiền nợ vào tiền trúng nếu còn thiếu ông trả và nếu thừa bà H phải thối trả lại ông.

Nguyên đơn Đặng Thị H không thống nhất với yêu cầu của bị đơn và khẳng định số tiền ghi trong biên nhận là tiền mặt nguyên đơn cho ông D mượn. Yêu cầu xét xử buộc trả tiền như án sơ thẩm đã tuyên không kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn D kháng cáo không thừa nhận có viết biên nhận nhưng thừa nhận có nợ số tiền nêu trên và thừa nhận có trả được 2.000.000 đồng, nhưng cho rằng là tiền mua số đề từ nguyên đơn. Tại phiên tòa, ông không chứng minh được số tiền nêu trên là tiền chơi đề, mà chỉ cho rằng các giấy tờ lịch ghi những con số là số đề. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông cũng thừa nhận những con số và chữ trên tờ lịch là do ông ghi chứ nguyên đơn không ghi nguyên đơn chỉ khoanh ô gạch chéo; Các chứng cứ ông D nêu cũng đã được cơ quan công an làm rõ và tại công văn số 99/CV-CQĐT của cơ quan điều tra công an huyện P, tỉnh Hậu Giang có nội dung qua “*quá trình xác minh đối chiếu kết quả xổ số, cách thức ghi đề và cùng tài liệu chứng cứ thu thập được hiện chưa có cơ sở xác định việc bà H có ghi bán số, lô đề*”. Ông D kháng cáo không cung cấp chứng cứ khác chứng minh là tiền chơi đề, thừa nhận có nợ và có trả được 2.000.000 đồng là trùng khớp biên nhận và lời trình bày của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm đã buộc ông trả nợ là có căn cứ, nên kháng cáo của ông không có cơ sở chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn D kháng cáo cho rằng, vào khoảng thời gian năm 2017 – 2018 ông có mua số đề của bà H và có nợ số tiền nêu trên và đã mượn tiền trả được cho bà H được 2.000.000 đồng, tuy nhiên ông không có làm biên nhận. Ông D không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và cho rằng, số tiền ông trúng đề nhiều lần lớn hơn số tiền nợ nhưng bà H không cần trừ; ông D yêu cầu

trừ số tiền này với tiền trúng nếu còn thiếu ông trả và nếu thừa bà H phải thối trả lại ông. Nguyên đơn Đặng Thị H không thống nhất với yêu cầu của bị đơn và khẳng định số tiền ghi trong biên nhận là tiền mặt nguyên đơn cho ông D mượn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn D không thừa nhận viết biên nhận, nhưng thừa nhận có nợ số tiền 64.000.000 đồng và đã trả được 2.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thừa nhận của bị đơn trùng khớp với biên nhận và lời trình bày của nguyên đơn nên cấp sơ thẩm xác định bị đơn có nợ tiền của nguyên đơn là 62.000.000 đồng có căn cứ.

[3] Đối với kháng cáo cho rằng số tiền nguyên đơn khởi kiện là tiền chơi số đề và tiền bị đơn trúng đề nhiều hơn số tiền nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ cấp sơ thẩm đến phúc thẩm ngày hôm nay bị đơn đều cho rằng nợ tiền chơi đề, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh ngoài những tờ giấy lịch do bị đơn tự ghi vài chữ, những con số đã được tẩy xóa khoanh ô; những tờ lịch con số nêu trên không được nguyên đơn thừa nhận bị đơn không có chứng cứ nào khác để chứng minh. Nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng nợ tiền chơi đề cũng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện P, tỉnh Hậu Giang có công văn số 99/CV-CQĐT, ngày 28/8/2022 có nội dung qua *“quá trình xác minh đối chiếu kết quả xổ số, cách thức ghi đề và cùng tài liệu chứng cứ thu thập được hiện chưa có cơ sở xác định việc bà H có ghi bán số, lô đề”*. Với các chứng cứ nêu trên, chưa có cơ sở xác định số tiền nguyên đơn khởi kiện bị đơn là tiền chơi đề, nên kháng cáo cho rằng trúng đề để yêu cầu cản trừ chưa có cơ sở để xem xét. Mặt khác, nếu có căn cứ có việc chơi đề thì vụ án không chỉ xem xét về mặt tranh chấp tiền giữa các đương sự mà các đương sự còn phải bị xử lý về hành vi vi phạm, chứ không phải xem xét cản trừ cho bị đơn như nội dung đã yêu cầu.

Từ nhận định trên không có cơ sở chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn D; Có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn D.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn Nguyễn Văn D phải trả cho nguyên đơn Đặng Thị H số tiền là 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải nộp 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng). Bà Đặng Thị H được nhận lại 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007994 ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2.1. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng; chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0008488, ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện P;
- CC THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải